TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 08-5-2023
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Ven
Bà Nguyễn Thanh Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường V, quận V1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà D - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông H1 - Chức vụ :Phó giám đốc chi nhA kiêm trưởng phòng giao dịch (văn bản ủy quyền số 3163/2021 /QĐ-PL ngày 27-12-2021).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Hiếu: Ông T - Chức vụ: chuyên viên khách hàng cá nhân (văn bản ủy quyền số 15/GUQ-PGDĐH ngày 02-11-2022).

2. Bị đơn*:* Bà Lê Thị A - Sinh năm 1971
Địa chỉ: ấp V2, xã M, huyện Đ, tỉnh L.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-3-2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-11-2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) do ông Trần Khắc Trọng đại diện hợp pháp trình bày và yêu cầu: Ngày 04-7-2018, bà Lê Thị A ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) với Ngân hàng thương mại cổ phần S. Hạn mức sử dụng: 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 1,25%/tháng, lãi nợ quá hạn 150% lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Bà A đã được cấp thẻ số 970403-6840. Sau khi được cấp thẻ, bà A đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 37.240.000 đồng. Sau nhiều lần trả lại tiền gốc và lãi thì bà A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.283.438 đồng.

Từ ngày 22-02-2022, bà A không tiếp tục thanh toán và vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ sang dư nợ quá hạn là 16.033.144 đồng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn. Tạm tính đến ngày 09-10-2022 là 19.576.424 đồng gồm 16.033.144 đồng gốc và 3.543.280 đồng lãi. Ngân hàng yêu cầu bà A trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 09-10-2022 là 19.576.424 đồng gồm 16.033.144 đồng gốc và 3.543.280 đồng lãi và yêu cầu bà A có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 10-10-2022 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Theo bản tự khai ngày 23-3-2023, các văn bản tiếp theo, bà A khai đồng ý với trình bày của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng đã vay, số dư nợ còn lại. Bà A đồng ý trả cho Ngân hàng 16.033.144 đồng tiền gốc, xin giảm tiền lãi vì điều kiện gia đình hiện khó khăn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng giữ nguyên các nội dung đã trình bày trong đơn khởi kiện ngày 02-11-2022. Sau khi hòa giải tại Tòa án thì ngày 22-4-2023 bà A có trả cho Ngân hàng 1.700.000 đồng. Số tiền 1.700.000 đồng Ngân hàng trừ vào nợ gốc. Hiện Ngân hàng yêu cầu bà A trả tổng cộng 20.632.594 đồng gồm 14.333.144 đồng tiền gốc và 6.299.450 đồng tiền lãi và yêu cầu bà A có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 09-5-2023 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản vay theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

- Bà A vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình

tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị A trả số tiền đã vay nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bà A cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Theo đơn khởi kiện và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ thì nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về tố tụng: Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4]. Các đương sự không xuất trình, giao nộp bổ sung thêm chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để xét xử vụ án.

[5]. Về nội dung yêu cầu: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: ngày 04-7-2018, bà Lê Thị A ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần S. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà A với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 1,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ, bà A đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 37.240.000 đồng. Bà A còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 09-10-2022 là 19.576.424 đồng gồm 16.033.144 đồng gốc và 3.543.280 đồng lãi. Ngày 22-4-2023, bà A đã trả 1.700.000 đồng cho Ngân hàng và được trừ vào gốc. Tính đến ngày 08-5-2023, bà A còn nợ Ngân hàng tổng cộng 20.632.594 đồng gồm 14.333.144 đồng tiền gốc và 6.299.450 đồng tiền lãi.

[6]. Về lãi suất: Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ do bà Lê Thị A ký ngày 04-7-2018 thì lãi suất là 1,25%/tháng, lãi quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng vào thời điểm hiện tại. Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì thỏa thuận này phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ là phù hợp.

[8]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 1.031.629 đồng (cách tính: 20.632.594 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Lê Thị A.

Buộc bà Lê Thị A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04-7-2018 tính đến ngày 08-5-2023 là 20.632.594 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng) gồm 14.333.144 đồng tiền gốc và 6.299.450 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04-7-2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bà Lê Thị A.

2. Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu 1.031.629 đồng (một triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, sáu trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 490.000 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001204 ngày 20-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.